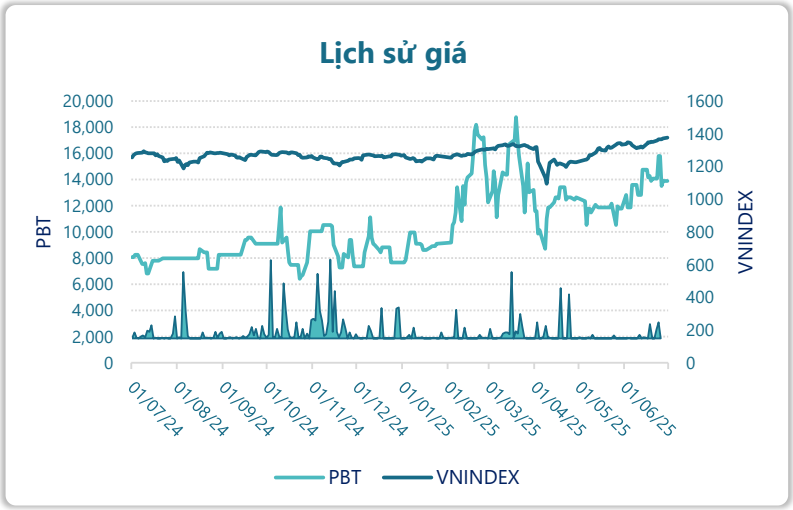
FireAnt

CTCP Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (UPCOM: PBT)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,768
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,416
SL cổ phiếu LH	17,522,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	395
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	244
P/E	13.0
EPS	1,073

DT thuần

Q2/25

362

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0| 10.9%

YoY: ▲ 198| 121%

LN sau thuế

Q2/25

6.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.74| 39.9%

YoY: ▲ 1.38| 29.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.0%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

6T 2025

687

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 330| 92.6%

LN sau thuế

6T 2025

10.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.66| 6.5%

ROE

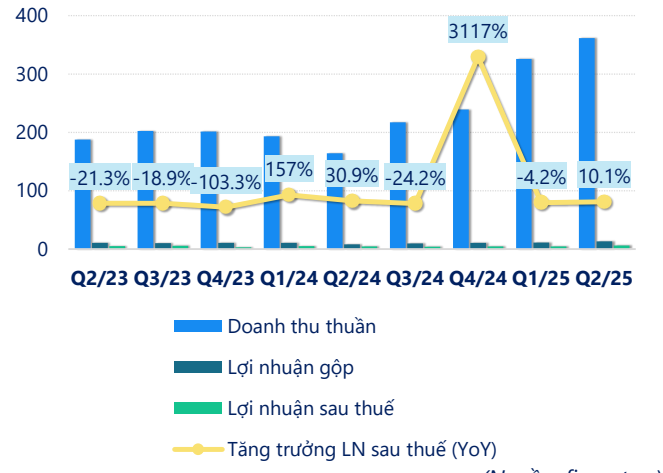
Q2/25

9.8%

+/- YoY: ▲ 0.2%

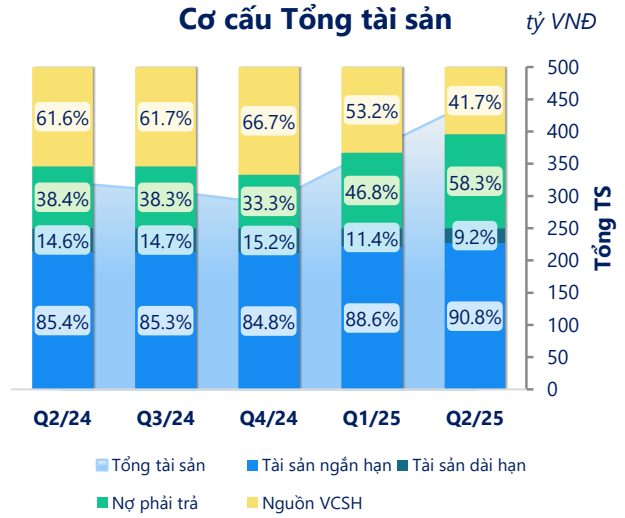
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



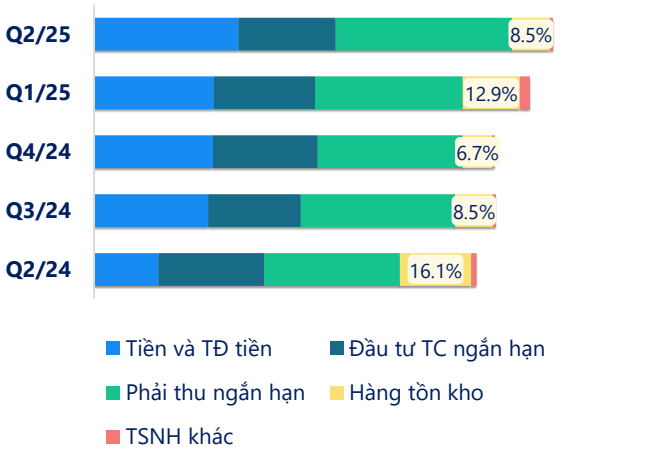
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



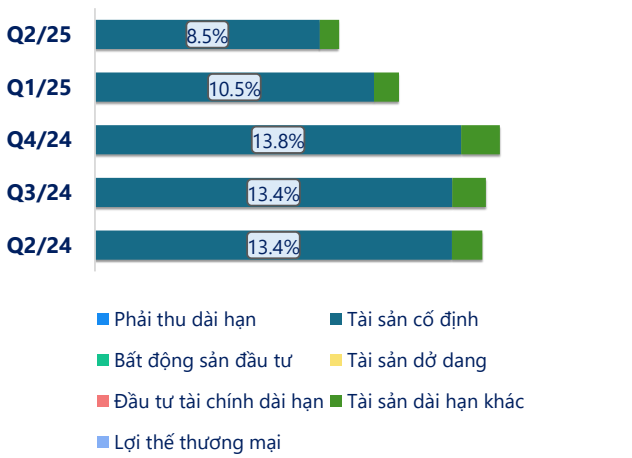
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



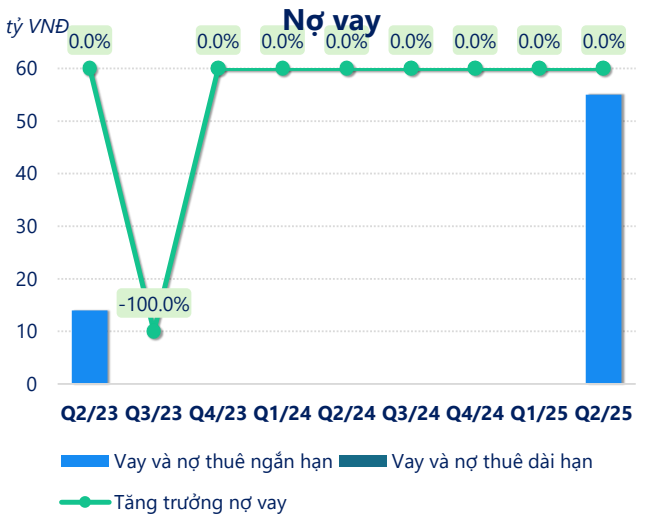
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



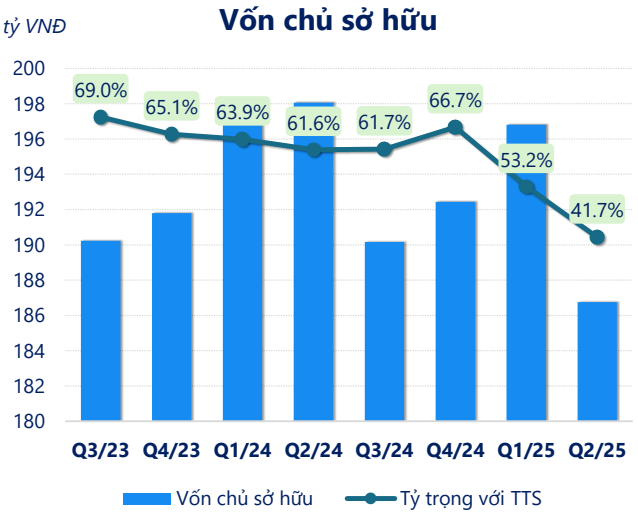
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



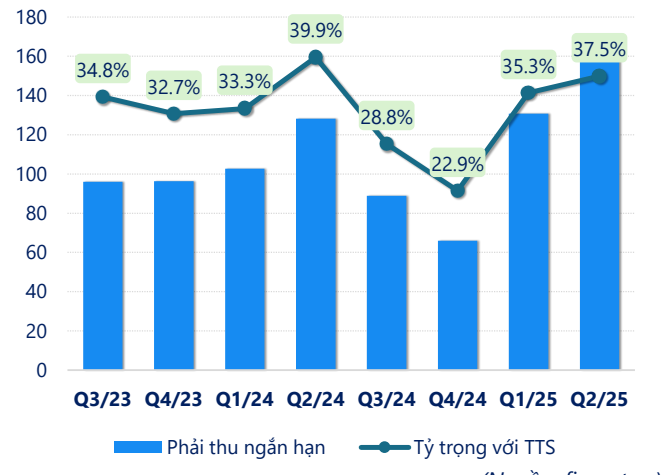
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



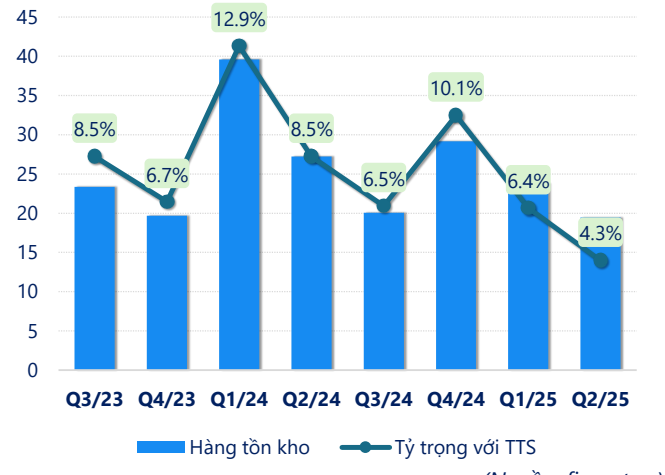
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



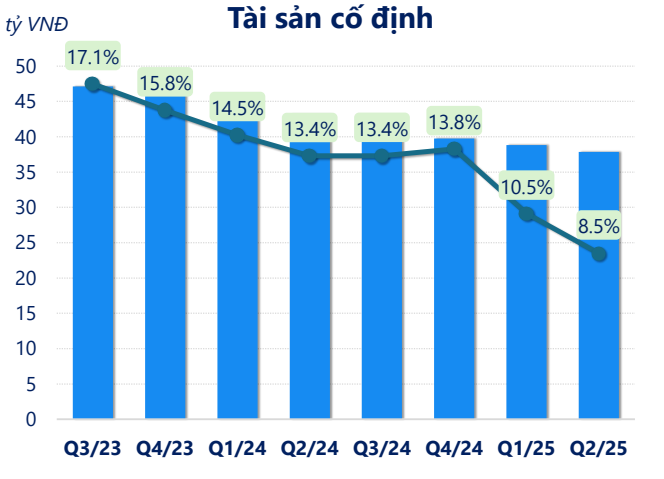
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



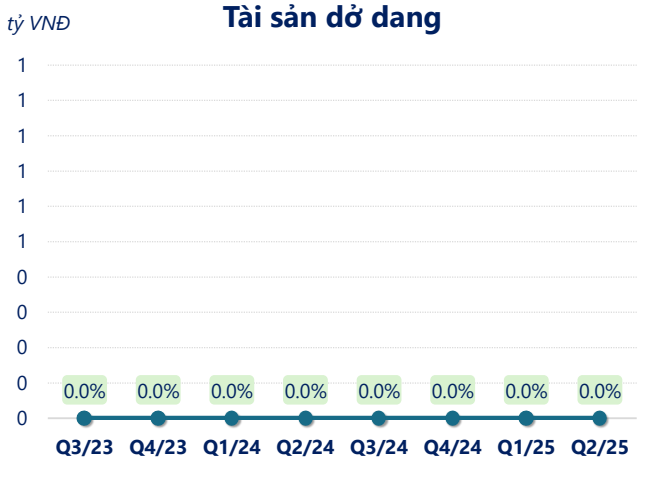
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



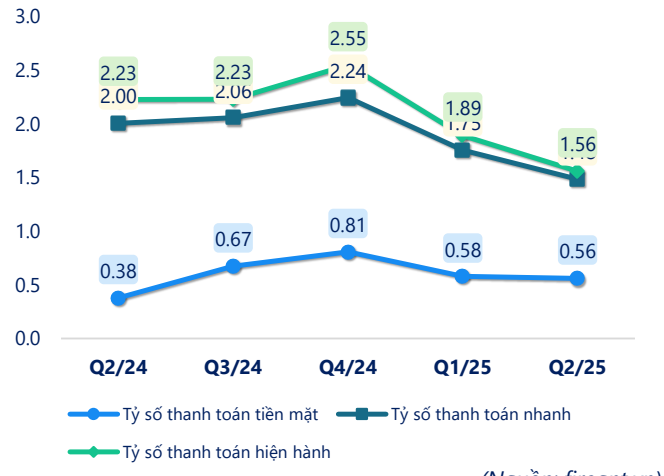
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



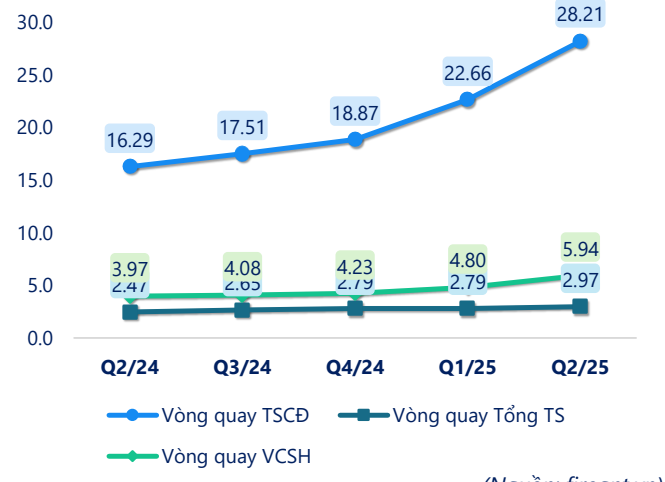
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**322**	**308**	**289**	**370**	**448**
Tài sản ngắn hạn	**275**	**263**	**245**	**328**	**407**
Tiền và tương đương tiền	46.7	79.4	77.5	100	146
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.3	70.3	70.3	70.3	70.3
Phải thu ngắn hạn	128	88.9	66.0	131	168
Hàng tồn kho	27.2	20.1	29.2	23.8	19.4
Tài sản ngắn hạn khác	2.32	4.28	1.71	2.79	2.99
Tài sản dài hạn	**46.9**	**45.3**	**43.9**	**42.3**	**41.1**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	43.2	41.4	39.7	38.8	37.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.68	3.91	4.19	3.50	3.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**124**	**118**	**96.1**	**173**	**261**
Nợ ngắn hạn	**123**	**118**	**96.0**	**173**	**261**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	55.0
Phải trả người bán ngắn hạn	105	93.8	84.7	156	169
Nợ dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.07
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**198**	**190**	**192**	**197**	**187**
Vốn chủ sở hữu	**198**	**190**	**192**	**197**	**187**
Vốn điều lệ	175	175	175	175	175
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)